

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất thương mại dịch vụ cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền hằng năm đối với diện tích đất Khu dịch vụ công viên Núi Thành tại khối 3, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 772/TTr-STNMT ngày 30/9/2021 (kèm theo Công văn số 2673/CV-HĐTĐ ngày 27/9/2021 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất thương mại dịch vụ cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền hằng năm đối với diện tích đất Khu dịch vụ công viên Núi Thành tại khối 3, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành để cập nhật thông tin về giá khởi điểm tổ chức chọn đơn vị thuê theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của UBND huyện Núi Thành, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Khu dịch vụ công viên Núi Thành.
2. Địa điểm: thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành.
3. Ranh giới dự án: phía Đông giáp sông An Tân; phía Bắc, phía Tây và phía Nam giáp Công viên huyện Núi Thành.
4. Diện tích: 2.117,59 m².

5. Loại đất: thương mại dịch vụ.

6. Giá đất thương mại dịch vụ cụ thể (giá đất của thời hạn 70 năm (làm tròn)): 6.547.000 đồng/m² (Sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng trên một mét vuông).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. UBND huyện Núi Thành phối hợp với cơ quan thuế tính tiền thuê đất trả tiền hằng năm để cập nhật vào Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê đối với diện tích đất Khu dịch vụ công viên huyện Núi Thành, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính theo dõi Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê đối với diện tích đất Khu dịch vụ công viên huyện Núi Thành của UBND huyện Núi Thành, thẩm định, trình phê duyệt cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND huyện Núi Thành, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Núi Thành và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang